

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2023-2024

Môn: NGỮ VĂN – Lớp 10

A. MỤC TIÊU ÔN TẬP - KIỂM TRA

- Hệ thống hoá những kiến thức đã được học trong SGK *Ngữ văn 10*, tập một.
- Phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trong các bài tập.

B. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, CẤU TRÚC, PHẠM VI

- Hình thức: Tự luận kết hợp trắc nghiệm
- Thời gian: 90 phút
- Cấu trúc: 2 phần:
 - + Phần 1: Đọc hiểu (gồm 10 câu: 7 câu trắc nghiệm + 3 câu tự luận) – 6.0 điểm
 - + Phần 2: Viết (bài nghị luận) – 4.0 điểm
- Phạm vi:
 - + Đọc hiểu: Thê loại sử thi
 - + Viết: Nghị luận xã hội: Thuyết phục người khác từ bỏ thói quen, quan niệm xấu.

C. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ SỬ THI

- Cách hiểu: Sử thi là những tác phẩm tự sự dân gian có quy mô lớn, sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng, hào hùng để kể về một hay nhiều biến cố lớn diễn ra trong đời sống cộng đồng của cư dân thời cổ đại.
- Sử thi nảy sinh và tồn tại trong đời sống của các dân tộc ít người, không chỉ với tư cách một tác phẩm nghệ thuật mà còn là pho tượng lịch sử, cuốn sách bách khoa toàn thư của dân tộc đó.
- Đặc trưng của sử thi:
 - + Nội dung của sử thi có tính rộng lớn, kể về sự kiện trọng đại của quá khứ, biểu hiện toàn bộ đời sống văn hóa, lịch sử của cộng đồng, thể hiện quá trình vận động của tộc người đó qua các giai đoạn khác nhau.
 - + Nghệ thuật: sử thi là những câu chuyện kể văn xuôi xen lẫn văn vần, có sử dụng các yếu tố thành ngữ, tục ngữ, những từ ngữ cổ, hình thức nghệ thuật ngôn từ dân gian.
- Phân loại sử thi:
 - + Sử thi thần thoại như: *Đẻ đất đẻ nước, Ám ệt luông, Cây nêu thần...* kể về sự hình thành của thế giới, sự hình thành của muôn loài, sự hình thành các dân tộc...
 - + Sử thi anh hùng như: *Đăm Săn, Đăm Di, Xinh Nhã, Khinh Dú, Đăm Noi...* kể về cuộc đời và sự nghiệp của các anh hùng

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ ĐỌC HIỂU

1. CÁCH HIỂU

Là hoạt động truy tìm, giải mã văn bản (nhân đề, hình ảnh, chi tiết, sự kiện, nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật, ... của văn bản đó).

Hoạt động này phải bắt đầu đi từ lớp vỏ ngôn ngữ (chất liệu làm nên văn bản) rồi đến hình tượng, nội dung, nghệ thuật của văn bản đó. Cuối cùng là tìm ra thông điệp, ý nghĩa tiềm tàng của vb, giúp ta hiểu, cảm thụ được trọn vẹn văn bản.

2. CÁC CẤP ĐỘ CÂU HỎI

Các cấp độ câu hỏi đọc hiểu	Dạng câu hỏi thường gặp
Nhận biết: Sự nhớ lại, tái hiện kiến thức, tài liệu được học tập trước hoặc tìm ra thông tin có ngay trong văn bản.	- NB thông tin: chi tiết, hình ảnh, ... Trong văn bản - NB hình thức: PTBĐ, PCNN,

	TTLL, thể thơ, BPTT, phương thức liên kết, ...
Thông hiểu: Khả năng nắm bắt, hiểu biết về hình ảnh, chi tiết, sự kiện, ... có thể giảng giải, cắt nghĩa lại bằng ngôn ngữ của mình	- Nêu nội dung chính/chủ yếu của văn bản. Đặt nhan đề. - Nêu cách hiểu của bản thân về 1 hình ảnh, 1 câu, 1 quan điểm, ... trong văn bản
Vận dụng thấp: Khả năng liên kết, tổ chức, sắp xếp lại các kiến thức; có thể lý giải một vấn đề, vận dụng tương tự như cách làm của giáo viên hoặc của tài liệu	- Lý giải được một quan điểm, ý kiến, vấn đề nào đó đặt ra - Chỉ ra được tác dụng/hiệu quả của BPTT, phép liên kết, một dẫn chứng, một số liệu, ... được sử dụng trong ngữ liệu
Vận dụng cao: Khả năng vận dụng kiến thức nền của bản thân và kiến thức từ văn bản để giải quyết một vấn đề mới đặt ra. Đây thường là 1 câu hỏi mở đòi hỏi người viết có quan điểm/ý kiến cá nhân, có lập luận vững chắc để lý giải và thuyết phục.	- Anh/chị có đồng tình với ... Tại sao? - Anh/chị có suy nghĩ gì/ nhận xét về ... - Thông điệp – bài học nào ... Tại sao?

3. YÊU CẦU KHI TRẢ LỜI CÂU HỎI ĐỌC HIỂU

a. Phân bố thời gian hợp lý: khoảng 40 – 50 phút

b. Nắm chắc kiến thức lý thuyết.

- Đây là yêu cầu đầu tiên, nếu không có kiến thức nền vững rất dễ sai, lúng túng, mất thời gian và điểm không cao

- Các kiến thức lý thuyết cơ bản gồm: Phong cách ngôn ngữ, Phương thức biểu đạt, Thao tác lập luận, các biện pháp tu từ, ...

c. Có kĩ năng làm bài

- Kĩ năng đọc văn bản: đi từ lớp vỏ ngôn từ để hiểu, tránh đọc lướt, đại khái dẫn đến ko hiểu văn bản. Khi đọc chú ý nhan đề và nguồn văn bản, vì đó là những cánh cửa giúp các em hiểu và trả lời được các câu hỏi

- Kĩ năng phân tích đề: Khi đọc chúng ta cần xác định đúng yêu cầu câu hỏi, câu hỏi có mấy ý, lưu ý cả phần dẫn trong câu hỏi, tránh hiểu sai câu hỏi trả lời thiếu

- Kĩ năng trả lời:

+ Rõ ràng, khoa học: chữ viết phải rõ ràng, dễ nhìn. Mỗi câu phải tách bạch bằng việc đánh số câu tương ứng với số câu trong đề, trả lời trọn vẹn những ý đã hỏi. Tùy theo câu hỏi mà có thể trả lời bằng một đoạn văn hoặc bằng những ý gạch đầu dòng cho tương ứng. Nếu sử dụng kí tự thì phải thống nhất

+ Ngắn gọn – đủ: trả lời theo yêu cầu đề, không lan man, dài dòng, chung chung, không cần dẫn dắt, đặt vấn đề vừa mất thời gian mà không có điểm. Lưu ý: ngắn gọn nhưng vẫn cần câu có đủ CN – VN

+ Đúng - trúng: trả lời chính xác vào yêu cầu. Ý chính, ý trọng tâm các em nên đưa ngay đầu câu, các câu sau lý giải, làm rõ

4. KIẾN THỨC CƠ BẢN

a. 06 PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

TT	Tên	BẢN CHẤT	ĐẤU HIỆU
1	Tự sự	Là kể chuyện: nghĩa là dùng ngôn ngữ để kể một chuỗi sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng tạo thành một kết thúc, thể hiện 1 ý nghĩa	<ul style="list-style-type: none"> - Có người kể chuyện - Có nhân vật (người, vật, đồ vật,...) - Có sự việc diễn biến câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc, ...)
2	Biểu cảm	<ul style="list-style-type: none"> - Là dùng ngôn ngữ để bộc lộ tình cảm, cảm xúc, tâm trạng - Giúp người đọc cảm nhận: <ul style="list-style-type: none"> + Tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong tác phẩm + Hoạch của chính tác giả về sự việc trong câu hoặc với người đọc, người nghe 	<ul style="list-style-type: none"> - Có thể xuất hiện trực tiếp từ cảm thán: <i>thương, yêu, ghét, nhớ, ...</i> - Bộc lộ gián tiếp qua cái nhìn, cảm nhận, đánh giá
3	Miêu tả	<ul style="list-style-type: none"> - Là dùng ngôn ngữ mô tả hình dáng, đặc điểm, tính chất ... làm cho người nghe, người đọc có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc - Diễn tả thế giới nội tâm của con người. 	Dùng các tính từ chỉ tính chất, màu sắc, trạng thái của sự vật, hiện tượng, ...
4	Nghị luận	<ul style="list-style-type: none"> - Bày tỏ quan điểm, thái độ, cách nhìn nhận, khen – chê - Thuyết phục người nghe đồng tình, ủng hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có lí lẽ kết hợp với dẫn chứng - Đối tượng bàn bạc rất rộng: vấn đề đời sống xã hội, đạo đức, phẩm chất, quan hệ, các hiện tượng đang xảy ra, ...

5	Thuyết minh	- Trình bày, giảng giải về một đối tượng nào đó	Đối tượng thường là: một cá nhân (nhà thơ, văn, nhà chính trị, khoa học, ...) một danh lam thắng cảnh, ... nào đó
6	Hành chính – công vụ	Dùng trong lĩnh vực giao tiếp hành chính (nhà nước – nhân dân; nhân dân – nhân dân)	Đơn, biên bản, nghị định, nghị quyết, ...

b. 06 THAO TÁC LẬP LUẬN

* *Thao tác lập luận giải thích*

- Là dùng lí lẽ để **cắt nghĩa, giảng giải** (một sự vật, hiện tượng, khái niệm, tư tưởng, đạo lí, phẩm chất, quan hệ ...) giúp người khác **hiểu rõ**, hiểu đúng vấn đề.

- Cách giải thích: Tìm đủ lí lẽ để giảng giải, cắt nghĩa vấn đề đó. Đặt ra hệ thống câu hỏi để trả lời.

* *Thao tác lập luận phân tích*

- Là cách **chia nhỏ** đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận để **đi sâu** xem xét một cách toàn diện về nội dung, hình thức của đối tượng.

- Cách phân tích: Chia tách đối tượng thành nhiều yếu tố bộ phận theo những tiêu chí, quan hệ nhất định (trên – dưới, trong – ngoài, nội dung – nghệ thuật, đoạn đầu – đoạn sau, ...)

* *Thao tác lập luận chứng minh*

- Dùng những **dẫn chứng** chân thực, đã được thừa nhận để khẳng định điều mình nói là **đúng**

- Cách chứng minh: Xác định vấn đề chứng minh để tìm nguồn dẫn chứng phù hợp.

Dẫn chứng phải phong phú, tiêu biểu, toàn diện sát hợp với vấn đề cần chứng minh; sắp xếp dẫn chứng phải lô gic, chặt chẽ và hợp lí.

* *Thao tác lập luận so sánh*

- Là **đối chiếu** hai hay nhiều đối tượng để làm **sáng tỏ** đối tượng đang nghiên cứu trong mối tương quan với đối tượng khác (tương đồng hoặc tương phản), nhằm rút ra một **kết**

luận nào đó

- Cách so sánh: Đặt đối tượng vào cùng một bình diện, đánh giá trên cùng một tiêu chí, nêu rõ quan điểm, ý kiến của người viết. thân, thuyết phục người khác **tin** vào quan điểm đó

- Cách bình luận: Trình bày rõ ràng, trung thực vấn đề được bình luận, đề xuất và chứng tỏ được ý kiến nhận định, đánh giá là xác đáng, thể hiện rõ chủ kiến của mình.

* *Thao tác lập luận bác bỏ*

- Là cách trao đổi, tranh luận để **gạt đi** ý kiến, quan điểm, lập luận được cho là sai, phiến diện rồi **đưa ý kiến đúng**

- Cách bác bỏ: Nêu ý kiến sai trái, sau đó phân tích, bác bỏ, khẳng định ý kiến đúng; nêu từng phần ý kiến sai rồi bác bỏ theo cách cuốn chiếu từng phần.

c. 06 PHONG CÁCH NGÔN NGỮ

PCNN	MỤC ĐÍCH, PHẠM VI SỬ DỤNG	VĂN BẢN
CHÍNH LUẬN	Trình bày, bình luận, đánh giá những sự kiện, những vấn đề về chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng,...theo một quan điểm chính trị nhất định.	<i>Tuyên ngôn, lời kêu gọi, lời hiệu triệu, bài bình luận, xã luận, ...</i>
BÁO CHÍ	Thông báo tin tức thời sự trong nước và quốc tế, phản ánh chính kiến của tờ báo và dư luận quần chúng, nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của XH	<i>Bản tin, phóng sự, bình luận, quảng cáo, tiểu phẩm, ...</i>

NGHỆ THUẬT	Chủ yếu dùng trong các tác phẩm văn chương, không chỉ có chức năng thông tin mà còn thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ của con người. Nó là ngôn ngữ được tổ chức, sắp xếp, lựa chọn, gọt giũa, tinh luyện từ ngôn ngữ thông thường và đạt được giá trị nghệ thuật – thẩm mỹ.	<i>Thơ, truyện, kịch, ...</i>
KHOA HỌC	Dùng trong lĩnh vực học tập, nghiên cứu, phổ biến khoa học, đảm bảo tính chính xác,	<i>SGK, luận văn, luận án, tài liệu nghiên cứu</i>
SINH HOẠT	Là lời ăn tiếng nói hằng ngày dùng để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,...đáp ứng nhu cầu của cuộc sống.	<i>Lời nói, thư, nhật kí, ...</i>
HÀNH CHÍNH	Dùng trong giao tiếp thuộc lĩnh vực hành chính. Đó là giao tiếp giữa Nhà nước với nhân dân, giữa nhân dân với cơ quan Nhà nước, giữa cơ quan với cơ quan, giữa nước này và nước khác trên cơ sở pháp lí	<i>Đơn, biên bản, nghị định, nghị quyết, Thông tư, Chỉ thị,</i>

d. BIỆN PHÁP TU TỪ

* TU TỪ TỪ VỰNG

STT	BPTT	BẢN CHẤT – TÁC DỤNG	DẤU HIỆU – PHÂN LOẠI
1	ẨN DỤ	Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng (giống nhau) với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt	- Là so sánh ngầm, chỉ xuất hiện về B, nhờ liên tưởng tìm ra về A - Giữa A và B là mối quan hệ giống nhau, dựa vào đó, ẩn dụ được chia thành 04 loại: + AD màu sắc (hình thức) + AD phẩm chất + AD cách thức + AD chuyển đổi cảm giác
2	HOÁN DỤ	Là gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương cận (gần nhau) với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt	Giữa A và B là mối quan hệ gần nhau, dựa vào đó, HD chia 04 loại: - Lấy bộ phận → toàn thể, - Lấy dấu hiệu → vật mang dấu hiệu - Lấy vật chứa → vật bị chứa - Lấy cụ thể → trừu tượng

3	SO SÁNH	Là <i>đối chiếu</i> 2 hay nhiều sự vật, sự việc mà giữa chúng có những nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuất hiện các từ: <i>như, là, bao nhiêu ... bấy nhiêu...</i> - Nhiều loại so sánh: + Mức độ: nhất, bằng, hơn – kém + Đối tượng: cùng loại – khác loại
4	ĐIỆP	Là <i>lặp lại</i> một yếu tố diễn đạt (từ, cụm từ, vần, nhịp, cấu trúc câu, ...) nhằm <i>nhấn mạnh</i> , tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn, văn bản	<ul style="list-style-type: none"> - Theo các yếu tố: điệp thanh, điệp từ, điệp ngữ, ... - Theo vị trí: điệp nối tiếp, điệp cách quãng, điệp vòng
5	ĐỐI	Là <i>cách sắp đặt</i> từ ngữ, cụm từ và câu ở vị trí cân xứng nhau để tạo hiệu quả giống nhau hoặc trái ngược nhau nhằm mục đích gợi ra một vẻ đẹp <i>hoàn chỉnh và hài hòa</i> nhằm diễn đạt một ý nghĩa nào đó	<p>Lưu ý một số kiểu đối sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Về cấu tạo chia 03 loại: + Đối số tiếng + Đối từ loại (DT –DT, TT –TT) + Đối thanh (B-B, T-T) -Về nội dung, chia 02 loại: + Đối tương đồng VD.<i>Người có chí thì nên, nhà có nền thì vững</i> + Đối tương phản VD.<i>Nuôi lợn ăn cơm nằm, nuôi tằm ăn cơm đứng</i>
6	NHÂN HÓA	Là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ, tên gọi ... vốn <i>chỉ dành cho con người</i> để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật, cây cối khiến cho chúng trở nên sinh động, gần gũi, có hồn hơn.	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng những từ vốn gọi người để gọi sự vật: <i>Chị ong nâu, Ông mặt trời, Bác giun, Chị gió, ...</i> - Dùng những từ vốn chỉ hoạt động, tính chất của người để chỉ hoạt động tính chất của vật: <i>“Heo hút cồn mây súng ngửi trời”</i> - Trò chuyện với vật như với người: <i>“Trâu ơi ta bảo trâu này</i>

* TU TỪ CÚ PHÁP (CÂU)

- **ĐIỆP NGỮ**: Là nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ có dụng ý làm tăng cường hiệu quả diễn đạt: nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc... và tạo nhịp điệu cho câu/ đoạn văn bản.

VD “*Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín*”

- **LIỆT KÊ**: Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay tư tưởng, tình cảm.

VD : ...*Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do! Đến ngày thắng lợi, nhân dân ta sẽ xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn!*”

(**Hồ Chí Minh**)

- **TƯƠNG PHẢN**: Là cách sử dụng từ ngữ đối lập, trái ngược nhau để tăng hiệu quả diễn đạt.

VD :

Xiềng xích chúng bay không khoá được

Trời đầy chim và đất đầy hoa

Súng đạn chúng bay không bắn được

Lòng dân ta yêu nước thương nhà!

(**Đất nước** – Nguyễn Đình Thi)

- **ĐẢO NGỮ**: Là thay đổi trật tự cấu tạo ngữ pháp thông thường của câu, nhằm nhấn mạnh ý, nhấn mạnh đặc điểm của đối tượng và làm câu thơ, câu văn thêm sinh động, gợi cảm, hài hòa về âm thanh,...

Ví dụ:

“Lom khom dưới núi: tiều vài chú

Lác đác bên sông: chợ mấy nhà”

(**Qua Đèo Ngang** – Bà huyện Thanh Quan)

- **LẬP CẤU TRÚC**: Là tạo ra những câu văn đi liền nhau trong văn bản với cùng một kết cấu nhằm nhấn mạnh ý và tạo sự nhịp nhàng, cân đối cho văn bản

Ví dụ:

“Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn. Song chân lí ấy không bao giờ thay đổi.”

(**Hồ Chí Minh**)

- **CÂU HỎI TU TỪ**: Là đặt câu hỏi nhưng không đòi hỏi câu trả lời mà nhằm nhấn mạnh một ý nghĩa khác.

Ví dụ:

“Mẹ con đàn lợn âm dương

Chia lià đôi ngả

Đám cưới chuột đang tưng bừng rộn rã

Bây giờ tan tác về đâu?”

(**Bên kia sông Đuống** – Hoàng Cầm)

III. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

1. **CÁCH HIỂU**: Là bàn bạc, trao đổi, bày tỏ quan điểm, ý kiến về một vấn đề thuộc phạm trù xã hội, bao hàm nhiều lĩnh vực khác nhau như: đạo đức, văn hoá, giáo dục, lao động việc làm, chính trị, tai tệ nạn xã hội...

2. CÁC DẠNG ĐỀ

- Nghị luận về một hiện tượng đời sống: là nghị luận về các hiện tượng đang xảy ra, được mọi người quan tâm (môi trường, giao thông, thực phẩm, sử dụng ngôn ngữ, ...)

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý: là nghị luận về các vấn đề về đạo đức, lối sống, các mối quan hệ, nhận định, ý kiến, ...
- Nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen, quan niệm xấu: Cách triển khai ở SGK Ngữ văn 10, tập 1, trang 91.

3. CÁC BƯỚC LÀM BÀI

- **B1: Kỹ năng phân tích đề:** Đọc kỹ đề, gạch chân những từ ngữ quan trọng đề:
 - + Xác định nội dung nghị luận.
 - + Xác định các thao tác nghị luận.
 - + Xác định phạm vi kiến thức, dẫn chứng.
- **B2: Kỹ năng tìm ý, lập dàn ý (kỹ năng xác lập luận điểm, luận cứ).**
 - + **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề, nêu luận đề (nếu có- dẫn nguyên văn hoặc tóm tắt nội dung chính của vấn đề).
 - + **Thân bài** (tùy thuộc vào từng dạng đề nghị luận về tư tưởng đạo lý hay nghị luận về hiện tượng đời sống hoặc nghị luận về một vấn đề đặt ra trong tác phẩm để triển khai ý)
 - ~ Giải thích vấn đề.
 - ~ Phân tích vấn đề (nếu là đề nghị luận về một hiện tượng đời sống phải phân tích hiện trạng, chỉ ra nguyên nhân, hậu quả, giải pháp; nếu là tư tưởng cần nêu biểu hiện, vai trò,...).
 - ~ Đưa dẫn chứng chứng minh, tạo sức thuyết phục
 - ~ Bình luận: Đánh giá (tốt – xấu, đúng – sai); rút ra bài học
 - **Kết bài:** Rút ra bài học nhận thức và hành động; bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết (đối với bài nghị luận về một hiện tượng đời sống).
- **B3: Viết bài nghị luận.**
 - + Triển khai các ý từ dàn ý thành các đoạn của bài
 - + Mỗi đoạn được triển khai một ý, theo hình thức diễn dịch hoặc quy nạp
 - + Giữa các đoạn cần có sự kết nối, liền mạch, tập trung vào yêu cầu của đề
- **B4: Sửa chữa, hoàn thiện**

4. YÊU CẦU (kỹ năng diễn đạt, triển khai ý)

- Diễn đạt trong sáng dễ hiểu, tự nhiên, linh hoạt, ngắn gọn, súc tích, lập luận chặt chẽ. Lời văn có sự kết hợp giữa lý và tình. Tránh viết lan man, dài dòng và sử dụng những từ ngữ xa lạ.
- Kỹ năng triển khai ý: rõ ràng, mạch lạc, khoa học tuân thủ theo những thao tác kỹ năng, trình tự sắp xếp các luận điểm, luận cứ .
- Trình bày bài văn phải sạch đẹp, rõ ràng, khoa học.

D. ĐỀ MINH HOẠ

PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Khi Rama, Lakshmana và Xita đến bờ sông Godavari, họ rất thích thú nhìn thấy cảnh vật chung quanh. Rama cảm thấy yêu thương vợ vô cùng, nhất là lúc này, nàng đã điếm trang với những thứ Anusuya đã cho, trông lại càng rất đáng yêu. Mỗi khi thấy có một vật gì đẹp, Rama lại nhìn nàng. Mỗi màu sắc của bầu trời, mỗi hình dáng của hoa hay của nụ, mỗi vẻ đẹp của cây cỏ đều gọi chàng nhớ đến nét này hay nét nọ của nàng.

...

Một buổi chiều nọ, khi chàng thấy trong rừng, giữa đám cây cỏ trong mảnh đất trước mặt chàng một thiếu nữ tuyệt đẹp, chàng trở nên cảnh giác. Mỗi khi cô thiếu nữ đi thì chân rung lên như tiếng nhạc, mắt long lanh, răng ngời sáng, lưng và ngực cũng đều nổi bật lên như pho tượng. Rama, cái chàng Rama khắc khổ, kinh ngạc trước vẻ đẹp của cô gái. Cô ta qua lại tha thân trước cửa chàng; chàng đứng ngây nhìn, và khi cô phóng một nụ cười đến với chàng, và tiến đến gần chàng, vẻ rụt rè, e lệ, Rama nói: “A, xin chào cô em xinh đẹp tuyệt vời. Cầu trời phù hộ cho em. Hãy nói cho ta biết em là ai, ở đâu đến, có ai là bà con thân thuộc, và em xinh đẹp hoàn toàn đến thế, em làm gì trong cảnh cô đơn này? Và em đến đây với mục đích gì? ”

“Đây, tôi xin khúm núm trả lời những câu hỏi của ngài. Tôi là con gái của đạo sĩ Vishrava, cháu nội của Pulastya và ông cụ vốn là con của đấng Brahma, là em họ của ngài Kubera, bạn của chúa Shiva, là người giàu có nhất và cao quý nhất trên toàn bộ cõi trần này, đang sống ở phương Bắc; là em gái của một người mà nghe tên thì từ thần thánh ở trên trời đến các hoàng đế dưới cõi trần đều run sợ, người đã có lần thử nâng dậy cả ngọn núi Kaila với của chúa Shiva và Parvati trên đó. Tên tôi là Kamavali”.

“Hãy nói rõ ý đồ của cô. Nếu đúng và thích hợp thì ta sẽ chú ý”. “Đối với một người đàn bà, thật không nên thổ lộ những tình cảm sâu kín của mình, nhưng tôi dám làm như vậy, vì bị thần tình ái thôi thúc. Xin ngài tha lỗi cho...”. Rama hiểu rõ ý đồ của nàng. Chàng nhận ra nàng chỉ có bộ mặt đạo đức bên ngoài, nhưng thực ra thì xấu xa và trơ trẽn. Chàng lặng im, không trả lời. Không biết rõ thái độ của chàng ra sao, cô ta nói thêm, khẳng định:

“Không biết có chàng ở đây, nên thiếp đã lãng phí cả tuổi trẻ và sắc đẹp trong việc phục vụ các nhà khổ hạnh và các vị đạo sĩ. Giờ thiếp đã tìm thấy chàng, cuộc đời phụ nữ của thiếp mới có thể có đầy đủ ý nghĩa của nó”. Rama cảm thấy thương hại cô ta, và không muốn tỏ ra khe khắt, tìm cách thuyết phục cô ta bỏ ý đồ đó đi. Cố ghìm lại sự phản ứng trong lòng, chàng nói: “Ta thuộc tầng lớp những người chiến sĩ, còn nàng là một người Baramin, ta không thể nào lấy được nàng đâu”. Về điều này, cô ta lập tức trả lời ngay:

“Ôi, nếu điều trở ngại của chàng chỉ có thế, thì hy vọng của thiếp đang chìm xuống lại được nổi lên. Xin chàng hãy biết rằng mẹ thiếp là thuộc tầng lớp asura (quỷ dữ) và một người đàn bà ở tầng lớp đó có thể kết duyên với người ở tất cả mọi tầng lớp”. Rama vẫn còn bình tĩnh khi chàng đưa ra một trở ngại thứ hai: “Ta là người, còn nàng là tầng lớp rakshasa (quỷ), ta không thể lấy nàng”.

(Trích **Ramayana**, bản dịch của Đào Xuân Quý, NXB Đà Nẵng (1985))

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là:

A. Thuyết minh **B.** Biểu cảm **C.** Miêu tả **D.** Tự sự

Câu 2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản

A. Sinh hoạt **B.** Nghệ thuật **C.** Khoa học **D.** Báo chí

Câu 3, Trước một thiếu nữ tuyệt đẹp, thái độ đầu tiên của Rama là:

A. Kinh ngạc **B.** Cảnh giác **C.** Khúm núm **D.** Sợ hãi

Câu 4. Cô gái xinh đẹp trong đoạn trích có xuất thân từ đâu?

A. Thường dân	B. Thần linh	C. Quan lại	D. Quý dũ
Câu 5. Tên của người con gái xinh đẹp là:			
A. Vishrava	B. Brahma	C. Kamavali	D. Parvati

Câu 6: Thái độ Rama thay đổi như thế nào trước cô gái?

Câu 7: Tại sao Rama lại có sự thay đổi đó?

Câu 8: Qua đoạn trích, anh/chị hiểu gì về con người Rama?

Câu 9: Anh/chị có cho rằng Rama có phần thô lỗ khi đối xử với phụ nữ?

Câu 10: Viết đoạn văn (7 – 10 dòng) nêu ý nghĩa của việc vượt qua những cám dỗ đời thường

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài luận trình bày suy nghĩ của anh/chị về giá trị của sống tích cực.

Viết một bài luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen, quan niệm.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ MINH HOẠ

Môn: Ngữ văn lớp 10 (Năm học 2023 – 2024)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	B	0,5
	3	B	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	Thái độ thay đổi của Ra ma trước cô gái: - Vừa gặp thì kinh ngạc trước vẻ đẹp của cô gái - Khi nghe cô gái bộc lộ tình cảm với mình thì Rama hiểu rõ ý đồ của nàng - Nhưng chàng nhanh chóng nhận ra nàng chỉ có bộ mặt đạo đức bên ngoài, nhưng thực ra thì xấu xa và trơ trẽn - Tiếp đó chàng tìm cách thuyết phục cô ta bỏ ý đồ đó đi - Cuối cùng chàng từ chối thẳng thừng Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được 4->5 ý: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được 1->3 ý: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời, trả lời lạc đề: 0,0 điểm	0,5
	7	Rama lại có sự chuyển biến là vì: - Chàng nhận ra âm mưu ẩn sau những lời dụ dỗ ngọt ngào - Hơn hết, vì chàng đã dành trọn vẹn tình yêu của mình cho Xita – người vợ mà chàng hết lòng trân quý Hướng dẫn chấm:	0,5

		<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được ½ đáp án: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời, trả lời lạc đề: 0,0 điểm 	
	8	<p>Nhận xét về con người Rama:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rama dù yêu mến cái đẹp nhưng chàng không đơn giản, dễ dãi trong tình yêu và hôn nhân - Chàng sẵn sàng từ chối sự mời mọc, quyến rũ để bảo vệ cho cuộc hôn nhân của chính mình <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 0,5 điểm - Học sinh trả lời được ½ đáp án: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời, trả lời lạc đề: 0,0 điểm 	0,5
	9	<p>Nhận xét về cách ứng xử của Rama đối với phụ nữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đó thực ra là những lời thách thức trong ứng xử khi có người thứ ba xen vào cuộc hôn nhân của mình. - Cách xử sự như vậy, thoát đầu thì có cảm giác thô lỗ vì quá phũ phàng với người trân trọng, yêu quý mình nhưng lại rất phù hợp, không làm người thứ ba hiểu lầm cũng không khiến họ có bất kì chút hi vọng nào. Hơn nữa, cuộc gặp vừa mới đây, những tình cảm thắm thiết cũng không thể lập tức phát sinh, nó chỉ có thể đến từ một tâm địa đầy mưu mô. Xét đến cùng, cách ứng xử của Rama chính là cách ứng xử rất văn minh <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh trả lời tương đương như đáp án: 1,0 điểm - Học sinh trả lời được ½ đáp án: 0,5 điểm - Học sinh không trả lời, trả lời lạc đề: 0,0 điểm <p><i>*Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt khác nhưng đúng hướng thì vẫn cho điểm</i></p>	1,0
	10	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức: Đảm bảo đoạn văn, dung lượng 7-10 dòng - Nội dung: Nêu được ý nghĩa của việc vượt qua cám dỗ đời thường: <ul style="list-style-type: none"> + Giúp con người chứng tỏ được bản lĩnh, trí tuệ, nhân cách + Giúp con người làm chủ chính mình, tránh được những sai lầm đáng tiếc + Giúp con người dễ thành công, khẳng định được danh tiếng, cuộc sống viên mãn + Xã hội lành mạnh, văn minh, bền vững và phát triển,... <p>Hướng dẫn chấm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đúng cấu trúc, dung lượng: 0,25 điểm -Nêu được vai trò của việc vượt các cám dỗ như đáp án: 0,75 điểm; trả lời chung chung: 0,25 điểm - Học sinh không trả lời, trả lời lạc đề: 0,0 điểm 	<p>0,25</p> <p>0,75</p>

II	VIẾT	4,0
	<p>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề</p>	0,5
	<p>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Giá trị của sống tích cực Hướng dẫn chấm: - Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - Học sinh xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.</p>	0,5
	<p>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: * Giải thích: Sống tích cực được hiểu đơn giản là sống lạc quan, tin tưởng, tràn đầy năng lượng; là thấy được phương hướng giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống; là sống có đóng góp giá trị cho mình và cộng đồng. * Phân tích: - Biểu hiện sống tích cực: luôn chủ động, vui vẻ, lạc quan, nhìn mọi việc theo chiều hướng tốt - Vai trò: + Giúp ta vượt khó khăn, nắm bắt cơ hội: Chắc chắn, chúng ta đều biết rằng, cuộc đời mỗi người không phải lúc nào cũng là một con đường đại lộ, to lớn, rộng rãi, đẹp đẽ; mà sẽ có lúc, nó là những con đường mòn, đường vòng, đường với nhiều khúc cua trắc trở, nguy hiểm. Những lúc ấy, ta cần lắm một lối sống tích cực, lạc quan để dũng cảm đối diện và vượt qua những khó khăn, trở ngại, để tìm được cơ hội cho chính mình. + Tạo lập cuộc sống giá trị: Thử hình dung, nếu ta dùng lăng kính u ám rọi chiếu vào mọi thứ xung quanh mình thì dù vạn vật có đẹp đẽ nhường nào cũng biến thành một sắc xám, đầy tăm tối; ngược lại, với lăng kính tích cực, một vũng nước tù đọng dưới màn trời đêm cũng có thể lấp lánh những ánh sao. Sống tích cực giúp ta xây dựng cho mình một cuộc sống ý nghĩa, giá trị, hạnh phúc, mỗi ngày đều tràn ngập niềm vui, những điều thú vị. Đó chẳng phải là một cuộc sống đáng mơ ước hay sao? + Xây dựng được mối quan hệ tốt: Và khi ta sống tích cực, biết xây dựng và đóng góp những giá trị tốt đẹp, ta sẽ nhận được sự yêu mến, nể trọng từ những người xung quanh; xây dựng được những mối quan hệ tốt đẹp.</p>	2,0

	<p>+ Khi mỗi cá nhân sống tích cực, chúng ta sẽ có một xã hội tích cực, cùng nhau tiến bộ, dân chủ, văn minh</p> <p>* Dẫn chứng</p> <p>* Bình luận:</p> <p>- Phê phán: Bên cạnh việc xây dựng và lan tỏa lối sống tích cực, mỗi chúng ta cũng cần mạnh mẽ lên án và loại bỏ lối tự ti, vô cảm, trì trệ, ... đang tồn tại, găm nhám trong xã hội.</p> <p>- Bài học: Mỗi người cần tôi luyện bản lĩnh, trau dồi đạo đức, rèn luyện nghị lực để có thể sống chủ động, tích cực ngay trong những hoàn cảnh khó khăn nhất</p> <p>Hướng dẫn chấm:</p> <p>- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm.</p> <p>- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,0 điểm – 1,5 điểm.</p> <p>- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm – 0,75 điểm.</p>	
	<p>d. Chính tả, ngữ pháp</p> <p>Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</p> <p>Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.</p>	0,5
	<p>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</p>	0,5
I+II		10

-----Hết-----